

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Luật số 76/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 12 như sau:

“c. Giấy xác nhận của ngân hàng về việc chuyển tiền góp vốn vào tài khoản của doanh nghiệp;”.

2. Bổ sung khoản 14 và khoản 15 vào sau khoản 13 như sau:

“14. “Bản chính” là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp; những giấy tờ, văn bản do một hoặc nhiều cá nhân có thẩm quyền tự lập.

15. “Bản trích sao” là bản sao chính xác phần nội dung của bản chính văn bản cần trích sao.”.

Điều 2. Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 Điều 4

“7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác để thay thế bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký

hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bản sao văn bản chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật và các giấy tờ khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 12

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để người ủy quyền thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp sau khi được cấp đăng ký doanh nghiệp thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20

“2. Ở cấp xã:

a) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký hộ kinh doanh là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

có chức năng, nhiệm vụ đăng ký hộ kinh doanh theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký hộ kinh doanh là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định.

c) Cơ quan đăng ký hộ kinh doanh quy định tại điểm a và điểm b khoản này (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) có tài khoản và con dấu riêng.”.

Điều 5. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 Điều 21

“8a. Lưu giữ thông tin về cổ đông của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán ít nhất 05 năm kể từ ngày công ty giải thể theo quy định của pháp luật.”.

Điều 6. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 Điều 24

“6. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập doanh nghiệp trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại khoản 5 Điều 20, điểm c khoản 4 Điều 21 và điểm c khoản 4 Điều 22 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27

“2. Hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp trên cơ sở chuyển đổi từ một hoặc nhiều hộ kinh doanh bao gồm bản sao giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và các giấy tờ quy định tại Điều 24 Nghị định này tương ứng với từng loại hình doanh nghiệp, trong đó không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trường hợp doanh nghiệp được chuyển đổi từ hộ kinh doanh có nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tham gia góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư thì hồ sơ phải có bản sao văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 38 và một số điểm, khoản của Điều 38

1. Sửa đổi tên Điều 38 như sau:

“Điều 38. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên môi trường điện tử”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm d khoản 2 như sau:

“a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;”;

“d) Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 12 Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử quy định tại điểm a khoản này.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 39

“Điều 39. Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên môi trường điện tử”

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin tại các trường thông tin trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định sau đây:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký doanh nghiệp

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký doanh nghiệp. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy

tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Người nộp hồ sơ tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Người thành lập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dùng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định này.”.

Điều 10. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 Điều 45

“8a. Trường hợp thay đổi thành viên do thành viên sử dụng phần vốn góp để góp vốn vào tổ chức kinh tế khác, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó, giấy tờ chứng minh việc góp vốn của thành viên mới của công ty được thay bằng bản sao hoặc bản chính văn bản thỏa thuận giữa thành viên và tổ chức kinh tế nhận vốn góp về việc sử dụng phần vốn góp để góp vốn.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 51

“c) Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần hoặc giấy tờ chứng minh việc hoàn tất chuyển nhượng trong trường hợp chuyển nhượng cổ phần; giấy tờ chứng minh việc góp vốn trong trường hợp cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần chào bán riêng lẻ; hợp đồng tặng cho cổ phần trong trường hợp tặng cho cổ phần;”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 60

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo, doanh nghiệp gửi hồ sơ thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động hoặc tiếp tục kinh doanh, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo. Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh, văn phòng đại diện có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng hoạt động sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng. Thời hạn tạm ngừng của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 như sau:

“a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;”.

3. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 vào sau khoản 6 như sau:

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định.

8. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp doanh nghiệp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 216 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh, doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.”.

Điều 13. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 61

“3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi có thay đổi thông tin đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Doanh nghiệp năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Nghị định này, doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định.”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 64

“3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp bao gồm các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Doanh nghiệp. Đối với công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán, thông báo về việc giải thể doanh nghiệp phải bao gồm các thông tin về cổ đông (trừ cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài) tại thời điểm giải thể sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; tổng số cổ phần, tỷ lệ cổ phần đã mua, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng cổ đông.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 72

“Điều 72. Quy trình chuyển tình trạng pháp lý, đình chỉ thủ tục phá sản, huỷ quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản

1. Việc chuyển tình trạng pháp lý sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, trích lục quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

c) Trường hợp nhận được quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh lưu giữ thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng pháp lý trước thời điểm có quyết định mở thủ tục phá sản trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp Tòa án giữ nguyên quyết định đình chỉ thủ tục phá sản hoặc chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp Tòa án hủy quyết định đình chỉ thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết thủ tục phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Thông tin về việc doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 74

“2. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương

quản lý. Thông tin được cung cấp theo quy định bao gồm thông tin về doanh nghiệp và thông tin về doanh nghiệp đã giải thể được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 93

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải thực hiện xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để người ủy quyền thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký hộ kinh doanh. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân còn hiệu lực của người ủy quyền.”.

Điều 18. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 103

“5. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, hộ kinh doanh phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 Nghị định này.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 112 và một số điểm, khoản của Điều 112

1. Sửa đổi tên Điều 112 như sau:

“Điều 112. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử”.

2. Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử. Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy.”.

3. Sửa đổi điểm a khoản 2 như sau:

“a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh bằng bản giấy;”.

4. Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh, hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử phải kèm theo các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều 93 Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định.”.

5. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

“4. Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hộ kinh doanh quy định tại Nghị định này được tính từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 113

“Điều 113. Trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh trên môi trường điện tử”

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin tại các trường thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định sau đây:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hộ kinh doanh

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký

trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Người nộp hồ sơ tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký hộ kinh doanh trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và Cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Hộ kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 95 Nghị định này.”.

Điều 21. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, khoản

1. Thay thế cụm từ “các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này” bằng cụm từ “các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 8a Điều này” tại khoản 9 Điều 21.

2. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “02 ngày làm việc” tại khoản 6 Điều 31, khoản 5 Điều 56, các khoản 1, 2 và 3 Điều 77, khoản 5 Điều 95, các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 115.

3. Thay thế cụm từ “qua mạng thông tin điện tử” bằng cụm từ “trên môi trường điện tử” tại Điều 1, tên Chương IV, Điều 37, khoản 2 Điều 38, khoản 3 Điều 94, khoản 3 Điều 97, Điều 111, khoản 3 Điều 112.

4. Thay thế cụm từ “Hệ thống thông tin đăng ký thuế” bằng cụm từ “Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế” tại khoản 2 Điều 53.

5. Thay thế cụm từ “nơi đặt địa điểm kinh doanh” bằng cụm từ “theo quy định pháp luật” tại khoản 2 Điều 87.

6. Bãi bỏ cụm từ “và danh sách người đại diện theo ủy quyền” tại khoản 3 Điều 54.

7. Bãi bỏ cụm từ “nơi đã nộp hồ sơ” tại khoản 5 Điều 95.

8. Bãi bỏ cụm từ “nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở” tại khoản 1 Điều 99.

9. Bãi bỏ khoản 3 Điều 124.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Việc xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại trước khi kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 8 năm 2026.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Lê Minh Hưng